

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÂY DỰNG

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Định giá sản phẩm xây dựng		
Mã học phần:	DQX0190	Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	242_DQX0190_01		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:		75 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 15/03/2024.**

Cách thức nộp bài (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi, không cho phép copy – paste vào khung bài làm trong phần lý thuyết (Câu 1, 2);
- SV được phép up file dưới định dạng word, excel, pdf để trả lời cho các câu hỏi thi lên hệ thống trong phần bài tập tính toán (Câu 3);
- SV được sử dụng tài liệu bao gồm cả giấy, file.

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân biệt bản chất các phương pháp xác định giá thành sản phẩm xây dựng trong việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng tuân thủ quy định của Pháp luật.	Tự luận	35%	Câu 1: 2 đ Câu 2: 2 đ	4,0 đ	PLO1_I PLO2_R PLO3_R
CLO2	Xác định giá sản phẩm xây dựng trong việc kiểm soát chi phí theo các giai đoạn của quá trình đầu tư xây dựng.	Tự luận	35%	Câu 3: 4/6 điểm	4,0 đ	PLO4_I PLO5_I
CLO3	Thực hiện thành thạo tính toán đơn giá trong việc xác định giá thành của sản phẩm xây dựng.	Tự luận	30%	Câu 3: 2/6 điểm	2,0 đ	PLO7_R PLO9_I

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1: (2,0 điểm)

Nội dung kiểm soát chi phí trong việc xác định Tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Câu hỏi 2: (2,0 điểm)

Điều kiện thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

Câu hỏi 3: (6,0 điểm)

Hãy chiết tính đơn giá xây dựng chi tiết đầy đủ cho công tác: Gia công lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\varnothing \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 100\text{m}$.

Các số liệu về định mức và đơn giá như sau:

- Số liệu về định mức như sau:

Đơn vị tính: 1 tấn

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính cốt thép ≤18mm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AF.615	Cốt thép xà dầm, giằng	<i>Vật liệu</i>					
		Thép tròn	kg	1,020	1,020	1,020	1,020
		Dây thép	kg	9,280	9,280	9,280	9,280
		Que hàn	kg	4,700	4,700	4,700	4,700
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	9,24	9,58	10,53	11,01
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy hàn 23 kW	ca	1,133	1,133	1,133	1,133
		Máy cắt uốn 5 kW	ca	0,320	0,320	0,320	0,320
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	2	2	2
				21	22	23	24

- Số liệu về đơn giá:

Thép tròn Ø 16: 198.091 đồng/ cây

Dây thép: 23.100 đồng/kg

Que hàn: 24.200 đồng/kg

(Các loại đơn giá nguyên vật liệu trên đã bao gồm VAT)

Nhân công 3,5/7 – nhóm 2: 274.500 đồng/công

Máy hàn 23 kW: 407.541 đồng/ca

Máy cắt uốn 5 kW: 283.705 đồng/ca

Vận thăng lồng 3T: 821.714 đồng/ca

Cần trục tháp 25T: 3.026.407 đồng/ca

Chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước lấy theo quy định hiện hành của Nhà nước (Thông tư 11/2021-BXD ngày 31/08/2021) đối với công trình xây dựng dân dụng.

Biết chi phí xây dựng trước thuế trong Tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 500 tỷ?

Câu 2	Gợi ý trả lời	2.0	
	Điều kiện thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình: • Đối với vốn trong nước: CĐT được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán và thuận tiện cho giao dịch của CĐT • Đối với vốn nước ngoài: CĐT được mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và ngân hàng. • Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán VĐT, CĐT phải gửi đến Kho bạc NN nơi mở tài khoản thanh toán các tài liệu cơ sở của DA (bản chính hoặc bản sao y bản chính – chỉ gửi 1 lần cho đến khi DA kết thúc ĐT, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm: - Đối với giai đoạn chuẩn bị ĐT: Dự toán cho các công tác chuẩn bị đã được duyệt, văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; hợp đồng giữa CĐT và NT. - Đối với giai đoạn thực hiện DA: Các tài liệu cơ bản gồm DADT XDCT (hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật với DA chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) kèm theo quyết định ĐT của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (gồm ĐT rộng rãi, ĐT hạn chế, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hành cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, tham gia của cộng đồng); hợp đồng giữa CĐT và NT (gồm cả các tài liệu kèm theo hợp đồng); dự toán và quy định phê duyệt dự toán của từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua HĐ.	0.25 0.25 0.25 0.25 1.0	

Câu 3	Gợi ý trả lời						6.0	
	Mã số	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	6.0	
	AF.61523	Gia công lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép ≤18mm, chiều cao ≤100m	tấn	1				
	1.5 điểm	a) Vật liệu				10,243,280		
		Thép tròn Ø ≤ 18mm	kg	1020	9,750	9,945,000		
		Dây thép	kg	9.28	21,000	194,880		
		Que hàn	kg	4.7	22,000	103,400		
	0.25 điểm	b) Nhân công				2,890,485		
		Nhân công 3,5/7 - Nhóm 2	công	10.53	274,500	2,890,485		
	1.25 điểm	c) Máy thi công				661,707		
		Máy hàn 23 kW	ca	1.133	407,541	461,744		
		Máy cắt uốn thép 5 kW	ca	0.32	283,705	90,786		
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	0.025	821,714	20,543		
		Cần trục tháp 25 T	ca	0.025	3,026,407	75,660		
		Máy khác	%	2	648,733	12,975		
		Cộng chi phí trực tiếp (VL+NC+M)	T			13,795,472		
		CHI PHÍ GIÁN TIẾP (C + LT + TT)				1,331,263		
	0.5 điểm	Chi phí chung (T x 6,2%)	C	6.20%		855,319		
	0.5 điểm	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (T x 1%)	LT	0.95%		131,057		
	0.5 điểm	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (T x 2.5%)	TT	2.50%		344,887		
	0.5 điểm	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC (T+GT) x 5.5%	TL	5.50%		831,970		
	0.5 điểm	Chi phí xây dựng trước thuế (T+GT+TL)	G			15,958,706		
	0.25 điểm	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%)	GTGT	10%		1,595,871		
	0.25 điểm	Chi phí xây dựng sau thuế (G+GTGT)	Gxd			17,554,576		
	Điểm tổng						10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024
Giảng viên ra đề

Phạm Thị Tình Thương